

# MỘT THỜI ĐẠI TRONG THI CA

(Trích)

HOÀI THANH

## KẾT QUẢ CẨN ĐẠT

- *Nắm được quan niệm của tác giả về thơ mới qua vấn đề cốt yếu là "tinh thần thơ mới".*
- *Thấy được cách diễn đạt tế nhị, tài hoa, đầy sức thuyết phục của tác giả trong đoạn trích.*

## TIỂU DẪN

Hoài Thanh (1909 - 1982) tên khai sinh là Nguyễn Đức Nguyên, sinh tại xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An trong một gia đình nhà nho nghèo. Ngay từ thời đi học ông đã tham gia nhiều phong trào yêu nước. Tháng 8 - 1945, Hoài Thanh tham gia cách mạng và làm Chủ tịch Hội Văn hóa cứu quốc ở Huế. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong ngành Văn hóa - Nghệ thuật. Hoài Thanh được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học và nghệ thuật năm 2000.

Hoài Thanh là một trong những nhà phê bình văn học xuất sắc nhất của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ông có biệt tài trong việc thẩm thơ. Cách phê bình của ông thiên về thường thức và ghi nhận ấn tượng. Ông gọi lối phê bình của mình là "tẩy hồn tôi để hiểu hồn người", tuy nhiên, không phải không có một căn cốt lý luận vững chắc. Văn phê bình của Hoài Thanh thường nhẹ nhàng, tinh tế, tài hoa và luôn thấp thoáng một nụ cười hóm hỉnh. Tác phẩm chính : *Văn chương và hành động*

(1936), *Thi nhân Việt Nam* (1942), *Quyền sống của con người trong "Truyện Kiều"* của Nguyễn Du (1949), *Nói chuyện thơ kháng chiến* (1950), *Phê bình và tiểu luận* (3 tập : 1960, 1965, 1971)... Trong đó đáng kể nhất là cuốn *Thi nhân Việt Nam*. Đây là tuyển tập đầu tiên về thơ mới và là đỉnh cao nhất trong sự nghiệp phê bình của Hoài Thanh.

Một thời đại trong thi ca là bài tiểu luận mở đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*, là công trình tổng kết có giá trị về phong trào Thơ mới.

Đoạn trích dưới đây thuộc phần cuối của bài tiểu luận này.

\*  
\* \*

[...] Nay giờ hãy đi tìm cái điệu ta cho là quan trọng hơn : tinh thần thơ mới.

Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này<sup>(1)</sup> thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết :

*Người gai nhân : bến đợi dưới cây già ;*  
*Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt.*

---

(1) Tức là hai câu thơ của Xuân Diệu :

*Hôm nay tôi đã chết trong người  
Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.*



Và một nhà thơ cũ<sup>(1)</sup> tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lá loi :

*Ô hay ! Cảnh cũng ưa người nhỉ !  
Ai thấy ai mà chẳng ngắn ngơ ?*

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ<sup>(2)</sup>, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Âu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thế hệ chúng ta. Hôm nay đã phôi thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rót lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa – hay thơ cũ – và thời nay – hay thơ mới – có thể gồm lại trong hai chữ *tôi* và *ta*. Ngày trước là thời chữ *ta*, bây giờ là thời chữ *tôi*. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ *tôi* vẫn giống chữ *ta*. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất – ai biết đích ngày nào – chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này : quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể : lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kì tài xuất đầu lộ diện. Tháng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và tháng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ *tôi* để nói chuyện với người khác. Song dầu táo bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ *tôi* để nói chuyện với mình, hay – thì cũng thế – với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mènh mong, hoặc họ không tự xưng<sup>(3)</sup>, hoặc họ ẩn mình sau chữ *ta*, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cõi đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa

(1) Có sách nói là Bà Huyện Thanh Quan, có sách nói là Hồ Xuân Hương (theo lời chú của tác giả).

(2) *Trần ngôn sáo ngữ* : thành ngữ Hán Việt chỉ ngôn ngữ mòn cũ, sáo rỗng.

(3) Suốt trong "khúc tự tình" của Cao Bá Nhạ dài 538 câu, chữ *tôi* không có đã dành mà cũng không có lấy một chữ *ta* (chú thích của tác giả).

ra đời, đoàn thể đã dành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thèm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rě rúng đến thế.

Bởi vậy cho nên, khi chữ *tôi*, với *cái nghĩa tuyệt đối của nó*, xuất hiện giữa thi đàn Việt Nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo những chữ *anh*, *bác*, *ông* đã thấy chướng. Huống bấy giờ nó đến một mình !

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá !

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ *ta* với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ *tôi*. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lí Thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ. Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa :

*Nỗi đời cay cực đang gio vuốt,  
Com áo không đùa với khách thơ.*

Không biết trong khi rên rỉ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn Công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui<sup>(1)</sup>.

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu ! Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thảy chúng ta.

Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bẽ rộng ta đi tìm bẽ sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta đên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, đên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hôn ta cùng Huy Cận.

Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt Nam buồn và nhất là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

Thời trước, đâu bị oan khuất như Cao Bá Nhạ, đâu bị khinh bỏ như cô phụ trên bến Tâm Dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay

(1) "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no ; Đêm năm canh an giấc ngày kho kho, đời thái bình cửa thường bỏ ngỏ" (*Nhà nho vui cảnh nghèo*).

lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hoè phủ trên thi tứ. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác : một lòng tin đầy đủ.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngầm ngầm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

Bí kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vò cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch<sup>(1)</sup> chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hi vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo *Nam phong*<sup>(2)</sup> : "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn".

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai.

Novembre<sup>(\*)</sup> - 1941

(HOÀI THANH - HOÀI CHÂN, *Thi nhân Việt Nam*,

Nguyễn Đức Phiên xuất bản, Hà Nội, 1943)

## HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc kỹ và nêu dàn ý của đoạn trích.
2. Tìm hiểu cách lập luận chặt chẽ của tác giả khi định nghĩa về thơ mới.
3. Hoài Thanh hiểu như thế nào về nội dung của chữ *tôi* và chữ *ta* ?
4. Anh (chị) có nhận xét gì về cách dẫn dắt và cách diễn đạt của tác giả ?
5. Đoạn văn "Đời chúng ta nằm trong vòng chữ *tôi*. [...] Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận" có gì đặc sắc về nội dung và nghệ thuật ? Hãy phân tích để làm nổi bật những nét đặc sắc ấy.

(\*) Novembre (tiếng Pháp) : tháng 11.

(1) *Hồn bạch* : tấm lụa đắp vào người gần mất, được kết lại có đầu, có chân, có tay như hình người. *Hồn bạch* được coi là cái mang linh hồn người chết, đưa lên bàn thờ và rước theo quan tài người chết khi đưa ma.

(2) Tức Phạm Quỳnh

6. Lòng yêu nước của các nhà thơ mới và của tác giả *Thi nhân Việt Nam* thể hiện tập trung nhất ở điểm nào ?

## BÀI TẬP NÂNG CAO

Hãy phân tích những nét đặc sắc trong lời văn phê bình của Hoài Thanh ở đoạn trích này.

### TRÍ THỨC ĐỌC - HIỂU

#### Phê bình văn học

Phê bình văn học là một bộ phận của văn học, có chức năng phẩm bình, đánh giá và lý giải các hiện tượng văn học như tác phẩm, tác giả, khuynh hướng, trào lưu văn học. Do đó, phê bình văn học là sự tự nhận thức của văn học, thể hiện trình độ ý thức của một nền văn học. Phê bình văn học phải dựa trên cơ sở những cảm thụ tinh tế, phong phú trước những giá trị văn chương ; nhưng cái đích của phê bình văn học là phải đưa ra được những nhận định đúng đắn về các hiện tượng văn học. Vì đối tượng của phê bình văn học là sản phẩm nghệ thuật, nên phải có sự rung cảm với nghệ thuật thì mới đánh giá đúng được. Vì thế, mỗi bài phê bình văn học đích thực bao giờ cũng vừa là công trình khoa học, vừa có tính nghệ thuật nhất định. Trong diễn đạt, văn phê bình cũng thường kết hợp được cả hai yêu cầu : vừa chính xác, chặt chẽ, vừa giàu cảm xúc, hình ảnh.

Trong thực tế, có những bài phê bình văn học nghiêng về trình bày những cảm xúc, ấn tượng cá nhân đậm chất chủ quan của người viết, gắn gũi với văn sáng tác (chẳng hạn, các bài *tựa* cho các tập thơ văn, bài *bình văn*, *bình thơ* hay *chân dung văn học*,...). Lại có bài nghiêng về luận giải, cắt nghĩa một cách khách quan các hiện tượng văn học, gắn gũi với văn lí luận nghiên cứu (chẳng hạn, những bài phân tích toàn bộ sự nghiệp của một tác giả, phân tích các khuynh hướng, các trào lưu văn học,...). Lịch sử phê bình từ xưa đến nay đã xuất hiện nhiều khuynh hướng phê bình. Có lối phẩm bình tuỳ hứng, dựa hoàn toàn vào ấn tượng chủ quan, có lối phê bình tuân theo những phương pháp khoa học : phê bình theo lối triết học, xã hội học, ngôn ngữ học, kí hiệu học, văn hoá học,... Những khuynh hướng và phương pháp ấy đã làm cho đời sống phê bình thật phong phú, đa dạng.

Phê bình văn học có vai trò tích cực đối với đời sống văn học. Trên cơ sở khám phá và khẳng định những giá trị chân chính, phê phán những mặt yếu kém trong văn học, phê bình bao giờ cũng góp phần bồi dưỡng và nâng cao trình độ thẩm mĩ cho người đọc, góp phần tác động tích cực đến hoạt động của người sáng tác. Không phải vô cớ mà người ta đã coi phê bình là bạn đồng hành của sáng tác. Có thể kể đến nhiều nhà phê bình văn học tên tuổi như Xanh-tơ Bơ-vơ<sup>(1)</sup> (Pháp), Bi-ê-lin-xki (Nga), Kim Thành Thán, Viên Mai (Trung Quốc), Hoài Thanh (Việt Nam),...

(1) Xanh-tơ Bơ-vơ (Charles - Augustin Sainte - Beuve, 1804 - 1869) : nhà phê bình văn học Pháp.